

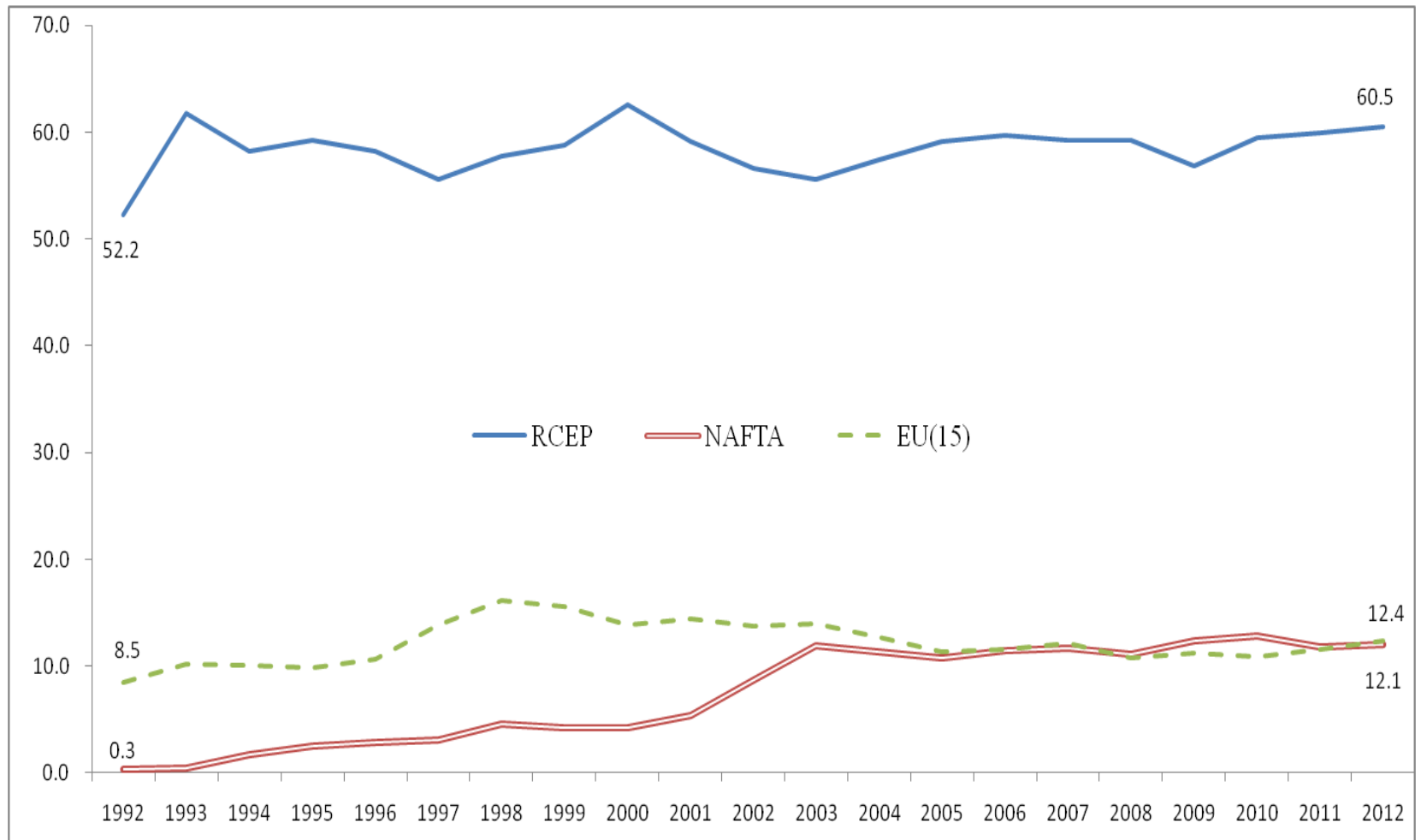
# TỰ CHỦ TRONG XUẤT NHẬP KHẨU CỦA MỘT SỐ NGÀNH KINH TẾ VN

Phạm Chi Lan

Tháng 7-2014

# Các đối tác thương mại chính của VN

(Phụ thuộc thương mại: %)



Nguồn: IMF (2013). Định hướng số liệu thống kê thương mại

**ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM THEO ĐỐI TÁC**  
**(Lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 15/12/2013)**

TT	Đối tác đầu tư	Số dự án	Tổng vốn đầu tư đăng ký (Triệu USD)	Vốn điều lệ (Triệu USD)
1	Nhật Bản	2,127	34,583.43	11,221.79
2	Singapore	1,219	29,312.17	7,622.92
3	Hàn Quốc	3,546	29,041.49	9,156.01
4	Đài Loan	2,287	27,914.86	11,378.88
5	British Virgin Islands	518	15,638.24	5,287.76
6	Hồng Kông	760	12,594.55	4,005.26
7	Hoa Kỳ	674	10,619.85	2,561.99
8	Malaysia	451	10,331.15	3,606.22
9	Trung Quốc	977	6,991.77	2,882.64
10	Thái Lan	333	6,468.58	2,798.61

# Các sản phẩm xuất khẩu chính của Việt Nam sang các nước RCEP năm 2011

(Đơn vị: %)

Ngành hàng	Xuất khẩu
Dầu thô và khí ga	15.2
Thực phẩm và đồ uống	13.7
Nông nghiệp	9.4
Đài, tivi và các thiết bị thông tin	6.8
Máy móc và thiết bị điện	6.1
Dệt may	5.5
Quần áo và nhuộm lông	4.9
Các ngành hàng khác	38.4

Nguồn: Cơ sở dữ liệu Comtrade của UN

# Các sản phẩm nhập khẩu chính của Việt Nam từ các nước RCEP năm 2011

(Đơn vị: %)

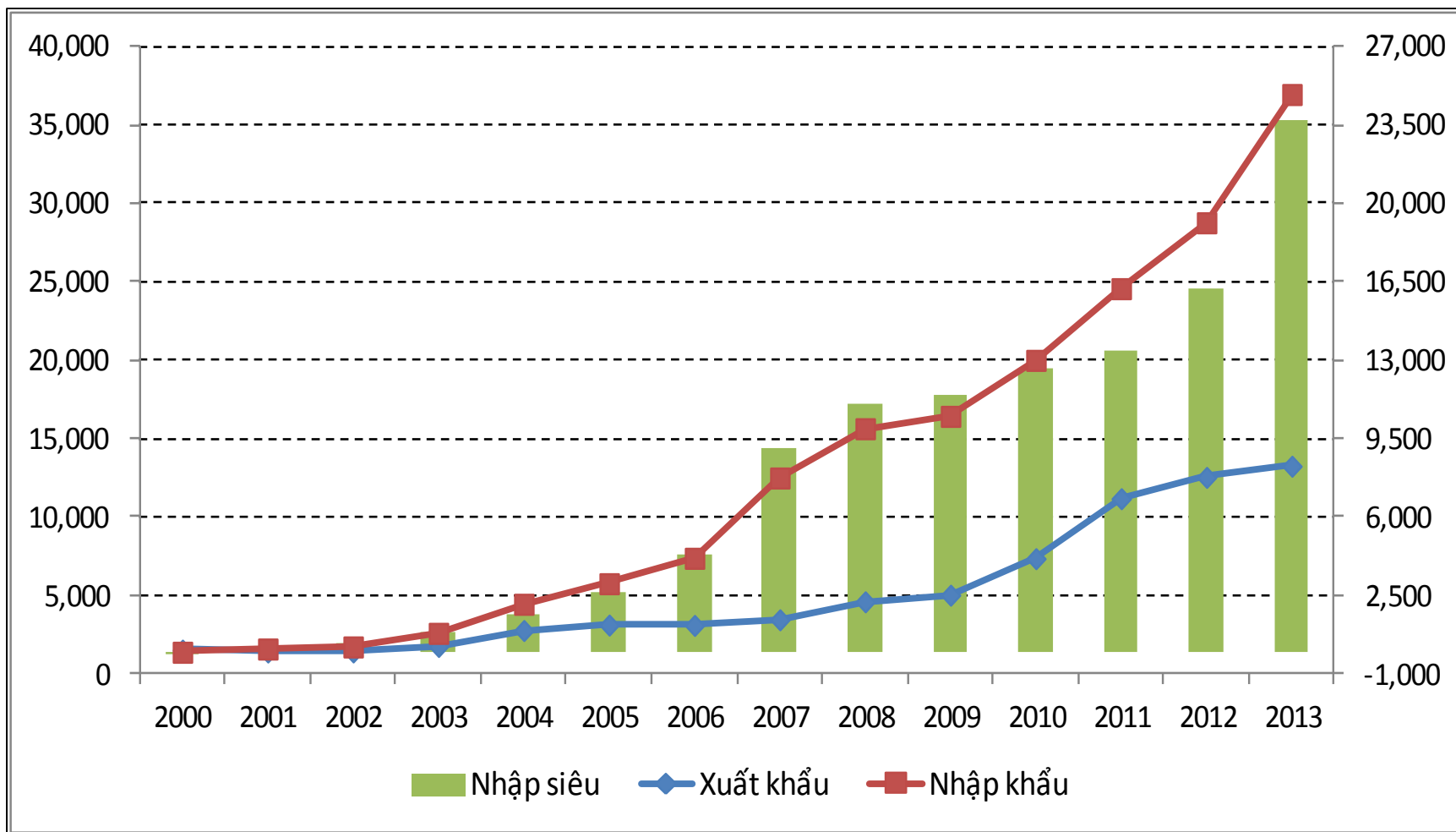
Ngành hàng	Nhập khẩu
Hóa chất	13.8
Than cốc, lọc dầu và nhiên liệu hạt nhân	11.6
Kim loại cơ bản	11.2
Đài, tivi và thiết bị thông tin	11.2
Máy móc và thiết bị	10.9
Dệt may	8.3
Máy móc và thiết bị điện	4.9
Các ngành hàng khác	28.1

Nguồn: Cơ sở dữ liệu Comtrade của UN

# Xuất nhập khẩu với TQ thay đổi nhanh

- Xuất khẩu của VN sang TQ tăng từ 1,5 tỷ USD vào năm 2000 lên 3,1 tỷ năm 2006; 13,3 tỷ năm 2013.
- Nhập khẩu của VN từ TQ tăng nhanh và đạt quy mô lớn, từ 1,4 tỷ USD năm 2000 lên 7,4 tỷ năm 2006 và xấp xỉ 37 tỷ năm 2013.
- Cán cân thương mại đảo chiều nhanh chóng, từ thặng dư khoảng 135 triệu USD năm 2000 thành thâm hụt 4,3 tỷ năm 2006 ; 23,7 tỷ năm 2013.
- Tỷ lệ nhập siêu từ TQ so với tổng nhập siêu của VN tăng từ mức 15,9% năm 2001 lên 84,5% năm 2006; 136,0% năm 2011

# Diễn biến thương mại VN-TQ



# Vị trí của quan hệ thương mại với TQ

- TQ chiếm 20% tổng thương mại của VN (24% của Hàn Quốc; 40% của Đài Loan)
- TQ là thị trường 25% nhập khẩu, 10% xuất khẩu của VN
- Sản xuất của VN chịu ảnh hưởng lớn từ TQ do
  - 70% hàng nhập khẩu từ TQ là hàng công nghiệp phụ trợ và máy móc
  - Nông nghiệp phụ thuộc vào nhập khẩu cây-con giống, phân bón, thức ăn gia súc
  - Một số sản phẩm xuất khẩu sang TQ với tỷ trọng cao: gạo, cao su, trái cây
  - Nhiều dự án lớn do TQ làm tổng thầu, cung cấp từ A-Z
  - Buôn lậu qui mô lớn; nhiều hoạt động chui của người TQ ở VN không kiểm soát được



# Các nhóm hàng xuất khẩu sang TQ

- Hàng trung gian là nhóm hàng xuất khẩu lớn nhất. Giá trị XK của nhóm hàng này vào TQ tăng từ 213 triệu USD năm 2000 lên 6,5 tỷ vào năm 2012 (chủ yếu do XK của FDI); tỷ trọng đạt 51,5% tổng XK của VN sang TQ.
- Hàng tiêu dùng (chủ yếu là nông sản) có giá trị XK tăng nhanh, từ 456 triệu USD năm 2000 lên hơn 2,8 tỷ vào năm 2012; tỷ trọng đạt 22,4% tổng XK của VN sang TQ.
- Nhóm hàng xăng dầu tăng từ 834 triệu USD năm 2000 lên hơn 2,2 tỷ năm 2012; tỷ trọng đạt 17,9%
- Hàng hóa vốn đạt trên 1 tỷ USD năm 2012; tỷ trọng đạt 8,2%

# Các nhóm hàng nhập khẩu từ TQ

- Hàng trung gian là nhóm hàng lớn nhất trong nhập khẩu từ TQ. Giá trị tăng mạnh từ gần 5,0 tỷ USD năm 2006 lên 19,5 tỷ năm 2012. Tỷ trọng hàng trung gian trong nhập khẩu từ TQ tăng liên tục từ 41,3% năm 2000 lên 67,8% năm 2012.
- Hàng hóa vốn là nhóm lớn thứ hai, đạt 5,9 tỷ USD vào năm 2012, tỷ trọng 20,6% trong NK từ TQ.
- Hàng tiêu dùng NK từ TQ đạt 1,5 tỷ USD năm 2012, tỷ trọng 4,5%-6,0% trong NK từ TQ từ 2007-12
- Tổng tỷ trọng của hàng hóa vốn và hàng hóa trung gian trong NK từ TQ biến động hàng năm, nhưng luôn vượt mức 80% kể từ năm 2006 → VN dựa khá nhiều vào máy móc, công nghệ và đầu vào từ TQ.

# Cơ cấu nhập siêu từ TQ

- Hàng trung gian có giá trị nhập siêu 13,0 tỷ USD năm 2012, đóng góp nhiều nhất vào nhập siêu của VN từ TQ
- Hàng hóa vốn có giá trị nhập siêu 4,9 tỷ USD năm 2012, đóng góp đáng kể vào nhập siêu của VN từ TQ
- Nhập siêu của VN từ TQ xuất phát chủ yếu từ 2 nhóm hàng trung gian và hàng hóa vốn. Xu hướng này càng rõ hơn khi VN hội nhập sâu, tham gia sâu rộng vào mạng sản xuất khu vực và thế giới.
- Nhiều doanh nghiệp nhập khẩu máy móc, nguyên vật liệu ồ ạt từ TQ để gia công với giá trị gia tăng thấp, phục vụ cả tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.
- Phần nhập siêu này ít đi kèm với gia tăng năng lực sản xuất trong nước của VN

# Các vấn đề từ xuất nhập khẩu với TQ

- VN phụ thuộc khá nặng vào XNK với TQ trong một số lĩnh vực, nhập siêu liên tục tăng cao → lợi ích TM rơi phần lớn vào tay TQ, kể cả trong XK của VN ra thế giới
- Cơ cấu TM và sản xuất của VN ít thay đổi, tụt hậu so với các nước, vị thế yếu trên thị trường → lệ thuộc sâu hơn
- Nhiều ngành sản xuất của VN bị chèn lấn, khó pt
- Các DNVN và FDI mất động lực đầu tư vào CN phụ trợ, phát triển các sp trung gian do khó cạnh tranh với TQ
- Nuôi dưỡng nhiều tiêu cực: buôn lậu, gian lận, hàng giả/nhái, chất lượng sp thấp, phương thức kinh doanh không bài bản, hiệu lực quản lý nhà nước và DN thấp

# Nguyên nhân thâm hụt TM với TQ

## *Cơ cấu công nghiệp của VN:*

- Trong nhiều năm, nước ta tập trung đầu tư cho các ngành công nghiệp nặng, qui mô lớn. Sau này tuy chú trọng phát triển công nghiệp nhẹ nhưng chủ yếu là sản xuất hàng tiêu dùng, mà không quan tâm tới các ngành sản xuất sản phẩm trung gian- là ngành có dung lượng thị trường lớn, tạo được nhiều giá trị gia tăng và là bước đi cần thiết trước khi phát triển tới trình độ công nghệ, sáng tạo cao hơn
- Do đó thiếu định hướng chiến lược và các chính sách thực sự khuyến khích, hỗ trợ phát triển các ngành sản xuất sản phẩm trung gian hay công nghiệp phụ trợ trong nước, để các ngành này rơi vào tình trạng thiếu vắng hoặc không thể cạnh tranh được và lệ thuộc nặng nề vào nguồn cung từ các nước khác, đặc biệt là TQ (nguồn cung lớn, gần, giá cả và phương thức buôn bán thuận lợi).

# Nguyên nhân thâm hụt TM với TQ

## *Cấu trúc xuất nhập khẩu của VN:*

- *Xuất khẩu* là ngành được coi trọng và khuyến khích cao, có tỉ trọng lớn trong GDP và công nghiệp. Nhưng ngoài hàng thô vẫn chiếm tỉ trọng cao, hàng công nghiệp chế tạo XK chủ yếu lại là hàng gia công, kể cả XK của khu vực FDI. Vì vậy việc NK các sản phẩm trung gian và hàng cơ bản là tất yếu, và TQ có lợi thế lớn trong việc cung cấp các sản phẩm này.
- *Nhập khẩu* ở nước ta chủ yếu phục vụ việc thực hiện các dự án hạ tầng lớn, làm hàng XK và tiêu dùng trong nước; phần NK để tăng năng lực sản xuất và nâng trình độ của các ngành trong nước còn hạn chế.
- *Chiến lược, chính sách xuất nhập khẩu* chú trọng tăng kim ngạch và khối lượng hàng XK, ít chú trọng phát triển năng lực sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn, mang lại giá trị thực cho nền KT.

# Nguyên nhân thâm hụt TM với TQ

## *Cách tham gia hội nhập kinh tế quốc tế của DNVN:*

- Tuy tham gia HNKTQT đã gần 2 thập kỷ, nhưng doanh nghiệp nước ta vẫn chủ yếu tiến hành các hoạt động XNK dựa trên các hợp đồng ngắn hạn, chưa tham gia sâu vào các chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu dựa trên các hợp đồng dài hạn và năng lực được liên tục nâng cao về trình độ chuyên môn, năng suất lao động và giá trị gia tăng.
- Phần lớn DN còn duy trì cách quản trị và kinh doanh cũ, “dễ dãi”, hợp với TQ, ít đa dạng hóa thị trường
- Vị thế của VN trong thương mại quốc tế vẫn thấp và mong manh, kể cả trong những mặt hàng ta có khối lượng lớn (như XK nông sản), dễ bị tác động bởi biến động giá cả trên thị trường quốc tế và lệ thuộc vào một số bạn hàng “truyền thống”.
- Lợi ích tổng thể của hội nhập kinh tế quốc tế từ đó cũng bị hạn chế, dễ rơi vào TQ và DN FDI nhiều hơn.

# Nguyên nhân thâm hụt TM với TQ

*Sự tham gia của TQ làm EPC trong nhiều dự án lớn*

- ODA Trung Quốc 417 triệu USD (0.7% vốn vay chính phủ)
- Vay thương mại: 1,92 tỷ USD
- TQ trúng thầu, làm EPC trong phần lớn các dự án quan trọng dùng vốn ngân sách hoặc ODA của VN, do các cơ quan nhà nước hoặc DNNN VN làm chủ đầu tư
- Lĩnh vực: năng lượng (70,6%); khoáng sản (87,5%); phân đạm hóa chất (60%); giao thông (6 dự án, 5 dự án chưa hoàn thành: kết nối trung tâm Mekong; Nội Bài-Nhật Tân; cao tốc SG-Long Thành; QL 27; cao tốc HN-HP)
- Điện: mua 1,5% sản lượng kế hoạch 2014 (2,46 tỷ kWh)



# Mối quan hệ KT với TQ rất không bình thường

- Chính trị chi phối nhiều quyết định KT; Nhà nước và DNNN VN thực hiện những thương vụ lớn, hệ trọng
- Các quyết định KT phân tán; chuẩn mực, qui trình, trách nhiệm ra quyết định không minh bạch. Kỷ cương nhà nước, kỷ luật thị trường kém, hiệu lực quản lý thấp
- Bất bình đẳng, bị chèn ép, thua thiệt kéo dài nhưng VN không dám đấu tranh, không có công cụ tự bảo vệ
- Lợi ích nhóm, tham nhũng đan xen, gây hại lớn nhưng được che dấu, bảo vệ
- Dân bị bỏ mặc (nông dân, DNNVV, người tiêu dùng), tiếng nói phản biện bị chặn
- Những phức tạp, nguy hại về quản lý nhà nước, an ninh kinh tế-xã hội, an ninh quốc phòng khó lường hết được